

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ
MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Báo cáo gồm có:

- 1 Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
- 2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 4 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,965,642,075,696	281,773,726,084
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	33,547,894,165	2,077,429,805
1. Tiền	111		33,547,894,165	2,077,429,805
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		276,955,381,078	11,360,550,727
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	276,955,381,078	11,360,550,727
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124			
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125			
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,527,239,005,914	208,800,844,940
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1,161,198,647,237	210,039,502,965
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	310,814,735,398	4,888,939,945
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	64,086,458,156	1,105,282,500
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(8,860,834,877)	(7,232,880,470)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		947,999,123,124	59,263,271,027
1. Hàng tồn kho	141	V.7	951,505,984,753	62,770,132,656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(3,506,861,629)	(3,506,861,629)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		179,900,671,415	271,629,585
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	2,967,620,048	150,846,308

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	176,933,051,367	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164	-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	165	-	120,783,277

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		439,058,643,013	21,607,859,563
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		166,041,324,548	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	166,041,324,548	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216	V.6	-	-
II. Tài sản cố định	220		261,226,651,975	21,126,541,072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	88,915,255,019	21,126,541,072
Nguyên giá	222		238,894,143,333	39,406,774,563
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(149,978,888,314)	(18,280,233,491)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	143,733,941,746	-
Nguyên giá	225		158,083,146,347	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(14,349,204,601)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	28,577,455,210	-
Nguyên giá	228		32,937,102,244	159,181,000
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4,359,647,034)	(159,181,000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
Nguyên giá	234		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		1,545,498,666	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		1,545,498,666	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		
4.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	-
6.	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		
VII Tài sản dài hạn khác		270	10,245,167,824	481,318,491
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	10,245,167,824	481,318,491
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		
4.	Tài sản dài hạn khác	274		
5.	Lợi thế thương mại	279	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280	3,404,700,718,709	303,381,585,647

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,742,110,799,392	140,540,025,082
I. Nợ ngắn hạn	310		2,708,598,180,516	138,160,320,005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	446,959,378,787	43,356,738,430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	55,054,333,534	464,004,578
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	3,916,825,317	2,561,403,149
5. Phải trả người lao động	315		7,451,024,754	1,482,247,378
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15	2,314,598,099	366,558,363
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319			
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.16a	143,298,399,411	342,356,253
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17a	2,046,446,442,737	87,740,763,667
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		329,908,941	329,908,941
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	2,827,268,936	1,516,339,246
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		33,512,618,876	2,379,705,077
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước dài hạn	333			
4. Chi phí phải trả dài hạn	334			
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335			
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336			
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337			
8. Phải trả dài hạn khác	338			
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.17b	32,597,913,799	1,465,000,000
10. Trái phiếu chuyển đổi	340			
11. Cổ phiếu ưu đãi	341			
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342			
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		914,705,077	914,705,077
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		662,589,919,317	162,841,560,565
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	650,039,190,000	149,531,560,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		650,039,190,000	149,531,560,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		1,101,120,105	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(24,068,435,285)	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35,518,044,497	13,310,000,565
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		20,531,498,068	778,568,985
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		14,986,546,429	12,531,431,580
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,404,700,718,709	303,381,585,647

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



Trịnh Thị Kim Anh

Trịnh Thị Kim Anh

Trần ngọc Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

			Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Năm 2026	Năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,457,748,921,609	133,080,684,733	1,994,515,715,168	200,790,965,081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	8,594,342,415	1,180,193,167	10,279,048,224	3,385,454,433
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,449,154,579,194	131,900,491,566	1,984,236,666,944	197,405,510,648
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,352,015,743,473	124,793,719,843	1,847,384,334,812	185,246,204,602
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		97,138,835,721	7,106,771,723	136,852,332,132	12,159,306,046
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	12,608,595,014	152,603,248	16,663,658,545	170,650,706
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	49,777,557,184	1,428,706,218	63,266,528,377	2,477,929,836
Trong đó: Chi phí đi vay	24		38,750,100,553	1,389,618,689	50,519,160,796	2,438,842,307
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	43,981,744,955	443,038,377	56,681,308,338	892,188,790
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8,507,839,375	2,354,155,942	13,893,812,652	4,198,764,443
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27					
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,480,289,221	3,033,474,434	19,674,341,310	4,761,073,683
13. Thu nhập khác	31	VI.8	3,916,027,140	1,489,318,891	6,664,247,252	2,690,946,259
14. Chi phí khác	32	VI.9	34,949,134	706,661,465	36,068,262	708,337,087
15. Lợi nhuận khác	40		3,881,078,006	782,657,426	6,628,178,990	1,982,609,172
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,361,367,227	3,816,131,860	26,302,520,300	6,743,682,855
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,312,320,936	762,435,131	3,920,476,368	1,351,813,435
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9,049,046,291	3,053,696,729	22,382,043,932	5,391,869,420

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ
Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Năm nay	Năm trước	Năm 2026	Năm 2025
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9,049,046,291	2,338,172,691	9,049,046,291	2,338,172,691
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	139.21	35.97	139.21	35.97
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	139.21	35.97	139.21	35.97

Người lập biểu



Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Kim Anh

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2026

Giám Đốc

 

Trần ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24,520,364,868	2,927,550,995
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11,815,888,686	472,983,989
- Các khoản dự phòng	03		1,627,954,407	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(6,472,267,208)	-
- Chi phí đi vay	06		38,750,100,553	1,049,223,618
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		70,242,041,306	4,449,758,602
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14,676,977,775	(33,828,155,697)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(888,735,852,097)	(2,486,999,995)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		672,082,943,995	29,368,503,825
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(12,580,623,073)	77,063,167
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(36,676,070,981)	(1,049,223,618)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(5,253,318,119)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		400,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(186,243,501,194)	(3,469,053,716)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2,125,165,313)	(20,538,668)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,076,494,401)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(66,040,643,420)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,472,267,208	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(71,770,035,926)	(20,538,668)

Báo cáo này phải được đọc cùng bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm công nghiệp thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22a	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1,725,289,851,933	34,239,155,645
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1,426,543,707,843)	(33,595,249,390)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(9,262,142,610)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>289,484,001,480</i>	<i>643,906,255</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>31,470,464,360</i>	<i>(2,845,686,129)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>2,007,429,805</i>	<i>3,956,588,389</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>		<i>33,477,894,165</i>	<i>1,110,902,260</i>

Lập, ngày 27 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc



Trịnh Thị Kim Anh

Trịnh Thị Kim Anh

Trần ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý II năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng.
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cuộn, ống inox công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô D, cụm công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 kết thúc kỳ kế toán Quý II.2026, công ty có 378 nhân viên đang làm việc tại công ty mẹ và công ty con (số đầu năm là 378 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2026 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2026 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 20 năm.

11. Tài sản sinh học

Tài sản sinh học của Công ty được phân loại thành ngắn hạn và dài hạn dựa trên thời gian hoặc chu kỳ dự kiến thu hồi lợi ích kinh tế:

Tài sản sinh học ngắn hạn: Bao gồm súc vật nuôi và cây trồng lấy sản phẩm một lần có thời gian dự kiến thu hoạch từ 12 tháng trở xuống hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Tài sản sinh học dài hạn: Bao gồm súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ (chưa trưởng thành và đã trưởng thành); súc vật nuôi và cây trồng lấy sản phẩm một lần có thời gian dự kiến thu hồi trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Ghi nhận ban đầu: Tài sản sinh học được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua, gieo trồng, chăm nuôi và chăm sóc.

Đánh giá sau ghi nhận ban đầu: Đối với súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đã đạt đến giai đoạn trưởng thành: Trình bày theo Nguyên giá trừ đi Giá trị khấu hao lũy kế.

Đối với các tài sản sinh học khác: Trình bày theo giá trị sổ sách.

Dự phòng tổn thất tài sản sinh học: Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty xem xét và trích lập dự phòng tổn thất cho cả tài sản sinh học ngắn hạn và dài hạn. Trên Báo cáo tình hình tài chính, chỉ tiêu Tài sản sinh học được trình bày theo giá trị thuần.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là Cổ phiếu mua lại của chính mình và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn”.

16. Phân phối lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	6.711.947.639	264.970.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.835.946.526	1.812.458.861
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	33.547.894.165	2.077.429.805

2. Các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,2% - 4,9%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Các khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	276.955.381.078	11.360.550.727
Tiền gửi có kỳ hạn	271.843.513.782	11.184.025.247
Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.111.867.296	176.525.480
Dài hạn		-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng		
Cộng	276,955,381,078	11.360.550.727

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	371.591.898.535	122.855.301.982
Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	27.511.920	47.674.440
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	8.868.315.351	1.091.288.081
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	264.664.145.658	113.281.176.522
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	389.901.653	874.627.580
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	4.993.668.151	4.121.935.878
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	1.023.221.548	1.185.607.132
Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	74.609.781.947	507.369.047
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	16.888.446.276	1.745.623.302

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ Nước và Môi Trường Sơn Hà GM Việt Nam	126.906.031	
Phải thu các khách hàng khác	789.606.748.702	87.184.200.983
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	1.119.737.886	1.119.737.886
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	4.285.142.584	4.315.142.584
Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Xuyên Thái Bình Dương	2.363.502.246	18.403.502.246
Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Chấn Hưng	79.053.170.638	22.693.922.709
Công ty TNHH Thương Mại Inox Hà Đông	202.562.973.962	10.857.374.251
Công ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Đại An	53.524.156.740	29.305.595.316
Các khách hàng khác	446.698.064.646	488.925.991
Cộng	1.161.198.647.237	210.039.502.965

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	280.956.998.306	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	280.891.696.106	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý Nước và Môi trường ETM	65.302.200	-
Trả trước cho người bán khác	29.857.737.092	4.888.939.945
Công ty cổ phần thương mại quốc tế Phú Sỹ	726.000.000	726.000.000
GUANGXI QINBAO INTERNATIONAL TRADE CO.,LTD	2.470.185.575	2.470.185.575
HUANGGANG ZHONGZHOU ANYONG KILN CO.,LTD	12.511.714.143	
9142110032609465X7		
Các nhà cung cấp khác	14.149.837.374	1.692.754.370
Cộng	310.814.735.398	4.888.939.945

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	44.859.576.015	-	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	-	-	-
Lãi dự thu tính trên số dư khoản trả trước cho nhà cung cấp	44.478.458.192			
Thu chi hộ	2.039.497			

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Công ty Cổ phần Sơn Hà Bắc Ninh – Thu chi hộ	379.078.326			
Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà – Thu chi hộ	-			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	19.226.882.141	1.072.000.000)	1.105.282.500	(1.072.000.000)
Tạm ứng	3.803.825.564	-	-	-
Ký cược ký quỹ	12.747.679.268	-	23.000.000	-
Phải thu về mua cổ phần (*)	1.072.000.000	(1.072.000.000)	1.072.000.000	(1.072.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.603.377.309	-	10.282.500	-
Cộng	64.086.458.156	(1.072.000.000)	1.105.282.500	(1.072.000.000)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm/kỳ Giá trị	Dự phòng	Số đầu năm Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	158.760.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	158.760.000.000			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	7.281.324.548	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	7.281.324.548			
Cộng	166.041.324.548	-	-	-

6. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH						
Xe máy điện	trên 3 năm	4,315,142,584	4,315,142,584	trên 3 năm	4,315,142,584	4,315,142,584
Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng						
Ông Kiều Thanh Phong	trên 3 năm	536,000,000	536,000,000	trên 3 năm	536,000,000	536,000,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	trên 3 năm	536,000,000	536,000,000	trên 3 năm	536,000,000	536,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần thương mại Quốc tế Phú Sỹ	trên 3 năm	1,845,737,886	1,845,737,886	trên 3 năm	1,845,737,886	1,845,737,886
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		1.627.954.407	1.627.954.407		-	-
Cộng		8.860.834.877	8.860.834.877		7.232.880.470	7.232.880.470

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau: Tăng : 1.627.954.407 đ do hợp nhất kinh doanh.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	370.833.551.528		-	
Nguyên liệu, vật liệu	342.332.034.448	(354.141.940)	46.995.269.542	(354.141.940)
Công cụ, dụng cụ	3.339.585.635		802.306.629	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	466.330.271	(3.152.719.689)	307.459.652	(3.152.719.689)
Thành phẩm	212.958.417.053		8.571.212.715	
Hàng hóa	21.576.065.818	-	6.093.884.118	-
Cộng	951.505.984.753	(3.506.861.629)	62.770.132.656	(3.506.861.629)

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	228.744.720	56.076.598
Chi phí bảo hiểm	347.727.521	94.769.710
Chi phí sửa chữa	1.053.604	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.390.094.203	-
Cộng	2.967.620.048	150.846.308

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	8.571.515.095	409.926.329

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	496.251.409	
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.177.401.320	71.392.162
Cộng	10.245.167.824	481.318.491

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.100.281.195	36.437.764.399	1.698.620.471	170.108.498	39.406.774.563
Mua trong năm/kỳ	-	68.693.858.471	-	-	68.693.858.471
Đầu tư XDCB hoàn thành			-		-
Tăng khác (do hợp nhất)	2.990.313.595	120.613.434.246	5.480.531.612	1.709.230.846	130.793.510.299
Số cuối năm/kỳ	4.090.594.790	225.745.057.116	7.179.152.083	1.879.339.344	238.894.143.333
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	353.746.321	16.447.449.595	1.308.929.077	170.108.498	18.280.233.491
Khấu hao trong năm/kỳ	206.908.518	33.625.265.425	269.421.287	134.852.604	34.236.447.834
Tăng khác (do hợp nhất)	2.068.362.111	90.433.379.955	3.633.316.053	1.327.148.870	97.462.206.989
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (ghi cụ thể)					-
Số cuối năm/kỳ	2.629.016.950	140.506.094.975	5.211.666.417	1.632.109.972	149.978.888.314
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	746.534.874	19.990.314.804	389.691.394	-	21.126.541.072
Số cuối năm/kỳ	1.461.577.840	85.238.962.141	1.967.485.666	247.229.372	88.915.255.019

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm		-
Thuê tài chính trong năm/kỳ	(51.879.304.822)	(51.879.304.822)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	209.962.451.169	209.962.451.169
Số cuối năm/kỳ	158.083.146.347	158.083.146.347
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm		-
Khấu hao trong năm/kỳ	(18.064.113.676)	(18.064.113.676)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	32.413.318.277	32.413.318.277
Số cuối năm/kỳ	14.349.204.601	14.349.204.601
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm/kỳ	143.733.941.746	143.733.941.746

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>TSCĐ vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	102.285.000	56.896.000	159.181.000
Mua trong năm/kỳ			-
Tăng do hợp nhất	32.777.921.244		32.777.921.244
Số cuối năm/kỳ	32.880.206.244	56.896.000	32.937.102.244
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	102.285.000	56.896.000	159.181.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	102.285.000	56.896.000	159.181.000
Khấu hao trong năm/kỳ	822.747.540		822.747.540
Tăng do hợp nhất	3.377.718.494		3.377.718.494
Số cuối năm/kỳ	4.302.751.034	56.896.000	4.359.647.034
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm/kỳ	28.577.455.210	-	28.577.455.210

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	46.350.074.979	36.111.169.785
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	-	
Công ty cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	116.496.878	9.135.676.960
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	-	26.975.492.825
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	211.776.729	
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	46.021.801.372	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	400.609.303.808	7.245.568.645
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Dịch Vụ Hoàng An	42.361.042.190	-
Công ty TNHH thương mại và đầu tư Thiên Long	-	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Inox Minh Phú	15.160.076.005	-
GALLOP RESOURCES PTE.LTD	26.581.693.651	
HONG KONG RUI PU CO., LIMITED	139.423.166.482	
KEVIN INTERNATIONAL LIMITED	48.332.166.477	-
JIAYAO(HONGKONG) INTERNATIONAL GROUP LIMITED 59709502-000-04-26-6	27.112.509.646	-
Các nhà cung cấp khác	101.638.649.357	7.245.568.645
Cộng	446.959.378.787	43.356.738.430

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	55.054.333.534	464.004.578
Công ty Cổ Phần Castrol Gogoro Mobility (CGM)	22.449.730.828	
Các khách hàng khác	32.604.602.706	464.004.578
Cộng	55.054.333.534	464.004.578

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Số phải nộp trong năm/kỳ	Số đã thực nộp trong năm/kỳ	Tăng do hợp nhất	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	647.277.188	910.296.396	(1.557.573.584)	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	106.184.965.239	(106.184.965.239)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.125.184.725	(4.109.865.465)	(15.319.260)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.893.255	3.920.476.368	(5.253.318.119)	3.308.194.244	3.865.245.748	-
Thuế thu nhập cá nhân	24.232.706	74.516.805	(207.358.192)	160.188.250	51.579.569	-
Lệ phí môn bài	-	500.000	(500.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.696.034	(3.696.034)	-	-	-
Cộng	2.561.403.149	115.221.410.567	117.319.051.633)	3.453.063.234	3.916.825.317	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>125.587.276</i>	<i>-</i>
Công ty CP TCT Toàn Mỹ - Chi phí tiền điện Bầu Bàng	125.587.276	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.189.010.823</i>	<i>366.558.363</i>
Dự trả chi phí lãi vay	2.074.029.572	-
Chi phí nhân công thuê ngoài	114.981.251	366.558.363
Cộng	2.314.598.099	366.558.363

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>143.298.399.411</i>	<i>342.356.253</i>
Kinh phí công đoàn	891.403.005	260.959.485
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.182.913	-
Phải trả Ngân hàng - Upass, bao thanh toán	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong -CN Tây Hà Nội	51.707.680.643	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Hoài Đức	90.209.141.147	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		5.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	488.991.703	76.396.768
Cộng	143.298.399.411	342.356.253

17. Vay và nợ thuê tài chính**17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
<i>Vay ngắn hạn phải trả ngân hàng</i>	<i>2.022.244.280.651</i>	<i>86.260.763.667</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	19.883.020.063	19.101.072.343
Vay ngắn hạn ngân hàng VP Tây Hồ	13.560.668.485	13.595.438.871
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đống Đa-PGD Thành Công	56.901.161.739	53.564.252.453
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (i)	391.014.842.109	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (ii)	428.441.130.872	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- Chi nhánh Hoài Đức (iii)	215.727.820.060	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam CN Hà Nội	49.233.938.546	
Ngân hàng TMCP Đông Nam á Đông NAM á -CN Đại An	6.015.194.222	
Ngân hàng TMCP Tiên phong - chi nhánh Tây Hà Nội (vi)	70.876.392.640	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Kinh Đô (vii)	47.938.027.432	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô (ix)	169.155.858.655	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sở Giao dịch (VIB) (xi)	86.536.961.330	
Ngân hàng First Commercial Bank, Ltd. Chi nhánh Thăng Long (xii)	75.047.654.405	
Ngân hàng TMCP An Bình CN Hà Nội PGD Đại Kim	-	
Ngân hàng ESUN Bank - CN Đồng Nai	78.779.109.845	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Sở giao dịch	114.945.993.411	
Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK-Chi nhánh TP HCM (xvi)	3.000.000.000	
Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á (xvii)	195.186.506.837	
	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	3.210.027.983	1.480.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả Vietinbank Nghệ An	740.000.000	1.480.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (vi)	2.470.027.983	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)	20.992.134.103	
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	16.884.638.947	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV-SuMi TRUST	4.107.495.156	
Cộng	<u>2.046.446.442.737</u>	<u>87.740.763.667</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm/kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm/kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Tăng do HNKD (ghi cụ thể)</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm/kỳ</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	86.260.763.667	1.712.441.596.200	-	1.648.428.309.887	(1.424.886.389.103)	2.022.244.280.651
Vay dài hạn đến hạn trả	1.480.000.000	-	1.145.596.464	2.241.750.259	(1.657.318.740)	3.210.027.983
Nợ thuê tài chính đến hạn trả			11.702.659.269	18.551.617.444	(9.262.142.610)	20.992.134.103
Tăng do hợp nhất Công ty con	-		-		-	
Cộng	<u>87.740.763.667</u>	<u>1.712.441.596.200</u>	<u>12.848.255.733</u>	<u>1.669.221.677.590</u>	<u>(1.435.805.850.453)</u>	<u>2.046.446.442.737</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.850.547.397	1.465.000.000
Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank Nghệ An	1.465.000.000	1.465.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (vi)	385.547.397	
Nợ thuê tài chính	30.747.366.402	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP		
Công thương Việt Nam	25.466.668.180	
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease		
- Chi nhánh Hà Nội	5.280.698.222	
Cộng	32.597.913.799	1.465.000.000

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do hợp nhất doanh nghiệp</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.516.339.246	1.310.929.690	2.827.268.936
Cộng	1.516.339.246	1.310.929.690	2.827.268.936

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	149.531.560.000	-	-	13.310.000.565	162.841.560.565
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cp hoán đổi CP SSP	500.507.630.000	1.101.120.105	(24.068.435.285)	-	477.540.314.820
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	(174.000.000)	(174.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	22.382.043.932	22.382.043.932
Số dư cuối kỳ này	650.039.190.000	1.101.120.105	(24.068.435.285)	35.518.044.497	662.589.919.317

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	575.837.270.000	75.329.640.000
Các cổ đông khác	74.201.920.000	74.201.920.000
Cộng	650.039.190.000	149.531.560.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	65.003.919	14.953.156
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	65.003.919	14.953.156

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Q2 Năm nay</u>	<u>Q2 Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	155.309.013.527	101,642,640,664
Doanh thu bán thành phẩm	1.299.908.996.714	29,570,047,022
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.530.911.368	1,867,997,047
Cộng	1.457.748.921.609	133,080,684,733

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:

Doanh thu bán hàng hóa (5111)	<u>Q2 Năm nay</u>	<u>Q2 Năm trước</u>
Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	112.499.000	75.554.780
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	6.464.841.714	69.072.488.459
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	10.976.475	20.733.409.766
Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	120.366.240	3.673.550
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	1.267.676.989	5.940.367.503
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	82.172.450	3.333.601
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	18.095.500	1.144.133.206
Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn	320.000	
Tổng cộng	8.066.683.358	96.972.960.865

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Doanh thu bán thành phẩm (5112)	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	47.274.000	74.742.000
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	24.055.632.585	24.771.728.692
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An	1.347.438.200	
Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	20.614.156.789	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	455.740.730	1.230.929.668
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	24.621.909.661	285.469.200
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	810.569.400	624.272.500
Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn	90.890.437.244	624.272.500
Tổng cộng	162.843.158.609	27.611.414.560

Doanh thu bán dịch vụ (5113)	Năm nay	Năm trước
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
51131		
Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	211.683.747	8.834.600
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An		
Công ty Cổ phần thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	57.186.715	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	60.593.483	690.000
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ		
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	160.000	
Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn		
Tổng cộng	329.623.945	9.524.600

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý II.2026	Quý II.2025
Chiết khấu thương mại	8.114.505.911	62.697.911
Hàng bán bị trả lại	479.836.504	1.117.495.256
Cộng	8.594.342.415	1.180.193.167

3. Giá vốn hàng bán

	Quý II.2026	Quý II.2025
Giá vốn bán hàng hóa	143.418.840.685	99.447.116.339
Giá vốn bán thành phẩm	1.207.439.242.590	24.876.774.903
Giá vốn thi công lắp đặt công trình	-	469.828.601
giá vốn cung cấp dịch vụ	1.157.660.198	
Cộng	1.352.015.743.473	124.793.719.843

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II.2026	Quý II.2025
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.229.464	137.421.891
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.180.522.001	
Lãi tiền cho vay	6.464.037.744	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.955.805.805	15.181.357
Cộng	12.608.595.014	152.603.248

5. Chi phí tài chính

	Quý II.2026	Quý II.2025
Chi phí lãi vay	38.750.100.553	1.389.618.689
Chiết khấu thanh toán cho người mua	7.228.873.673	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.486.643.915	39.087.529
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.311.939.043	
Cộng	49.777.557.184	1.428.706.218

6. Chi phí bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

	<u>Quý II Năm nay</u>	<u>Quý II Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.211.143.845	-
Chi phí đồ dùng	71.783.928	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.834.152	30.791.508
Chi phí bảo hành	224.526.226	246.335.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.422.723.063	48.437.453
Các chi phí khác	9.022.733.741	117.474.342
Cộng	43,981,744,955	443,038,377

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II.2026</u>	<u>Quý II.2025</u>
Chi phí cho nhân viên	2.328.161.037	1.373.112.028
Chi phí đồ dùng văn phòng	230.154.336	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	828.905.949	55.922.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.642.923.685	404.627.730
Các chi phí khác	477.694.368	520.494.181
Cộng	8.507.839.375	2.354.155.942

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	3.866.552.405	1.489.318.891
Thu nhập khác	49.474.735	-
Cộng	3.916.027.140	1.489.318.891

9. Chi phí khác

	<u>Quý II.2026</u>	<u>Quý II.2025</u>
Phạt vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng	-	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	-
Khấu hao tài sản không sử dụng	-	-
Chi phí khác	34.949.134	706.661.465
Cộng	34.949.134	706.661.465

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

10. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	9.049.046.291	3.053.696.729
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	9.049.046.291	3.053.696.729
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	65.003.919	65.003.919

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.953.156	
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành thêm cổ phiếu	50.050.763	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	65.003.919	65.003.919

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Cùng công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ ("Toàn Mỹ")	Cùng công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QII.2026

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh
Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai

Mối quan hệ

Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty con của Toàn Mỹ
Công ty con của Toàn Mỹ
Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận

Lập. ngày 25 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Trần Thị Thùy Liên

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Kim Anh

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng